



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 92, đường Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Bạc Liêu.

Mã số doanh nghiệp: 1900605680.

Điện thoại: 02913.822227

Fax: 02913.824812

Email: capnuoctpbaclieu@gmail.com

Website: capnuocbaclieu.com.vn

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 4 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU.

Tên tổ chức/cá nhân:

Số CMND (Giấy CN ĐKKD):cấp ngàynơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu vào ngày 28/4/2020.

Bạc Liêu, ngày.....tháng 4 năm 2020

Cổ đông

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Để thuận lợi cho công tác tổ chức, đề nghị quý cổ đông gửi phiếu đăng ký tham dự Đại hội cổ đông đến Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (*ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ phòng Tổ chức – Hành chính*), fax hoặc email capnuoctpbaclieu@gmail.com trước 17 giờ ngày 27/4/2020 theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 92 đường Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Điện thoại: 02913.822227

Fax: 02913.824812

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU.

I. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông: Mã số cổ đông:

Địa chỉ :

Số CMND/ĐKKD :..... Cấp ngày / / Tại :

Số cổ phần đang sở hữu: Cổ phần (bằng chữ :

Loại cổ phần: phổ thông:

ưu đãi:

II. Bên được ủy quyền:

Tên cổ đông: Mã cổ đông:

Địa chỉ :

Số CMND/ĐKKD :..... Cấp ngày :..... / / Tại :

Số cổ phần đang sở hữu:..... Cổ phần (bằng chữ :

Loại cổ phần: phổ thông:

ưu đãi:

III. Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. Bên được ủy quyền không được phép ủy quyền lại.

IV. Thời hạn ủy quyền:

Bên được ủy quyền thực hiện công việc theo ủy quyền cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được hoàn tất.

Bên ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do Bên được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên. Bên ủy quyền công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền và không đưa ra bất cứ một khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bạc Liêu, ngày tháng 4 năm 2020

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 02/QĐ-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 17/4/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** 01 buổi - Bắt đầu từ 13 giờ ngày 28 tháng 04 năm 2020.
- 2. Địa điểm:** Trụ sở Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. Địa chỉ: số 92 Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- 3. Nội dung Đại hội: Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu:**
 - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019;
 - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
 - Tờ trình trích lập các quỹ và mức chia cổ tức năm 2019;
 - Tờ trình tiền lương thù lao của người quản lý, thù lao thư ký năm 2019 và Kế hoạch tiền lương, thù lao của người quản lý, thù lao thư ký năm 2020;
 - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
 - Tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị



Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu nhiệm kỳ 2015-2020.

4. Thành phần tham dự Đại hội:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm chốt danh sách ngày 06/03/2020 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam về thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

- Những cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự theo mẫu quy định. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

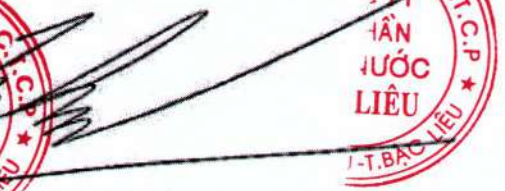
Điều 2. Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc triển khai các công việc cần thiết để chuẩn bị tổ chức Đại hội theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, Xí nghiệp có liên quan và các cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HĐQT- VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quốc Hồ Đình Tuấn

Số: 01 /TB-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty) trân trọng thông báo Quý cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Đại hội), cụ thể như sau:

1. Thời gian: Bắt đầu từ 13 giờ, ngày 28 tháng 04 năm 2020 (*thứ ba*).

2. Địa điểm: Trụ sở Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, số 92 đường Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

3. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm chốt danh sách ngày 06/03/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

4. Nội dung: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sẽ thảo luận, biểu quyết thông qua các nội dung theo chương trình Đại hội đính kèm.

5. Tài liệu phục vụ Đại hội:

Quý cổ đông tham khảo tại website của Công ty: capnuocbaclieu.com.vn/qhcd/

6. Xác nhận tham dự Đại hội:

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự Đại hội và gửi phiếu đăng ký cổ đông dự Đại hội, giấy uỷ quyền có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền (*nếu uỷ quyền cho người khác*) đến Ban tổ chức trước trước 17 giờ ngày 27/4/2020 theo địa chỉ của Công ty nêu trên hoặc fax số 02913.824812.

- Khi tham dự Đại hội đề nghị Quý cổ đông mang theo giấy Chứng minh nhân dân/ căn cước công dân. Nếu là người được uỷ quyền thì phải mang thêm Giấy uỷ quyền bản chính (*nếu giấy uỷ quyền chưa được gửi tới Công ty trước ngày khai mạc Đại hội*).

Nơi nhận:

- Cổ đông Cty CP Cấp nước Bạc Liêu;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Quốc Hồ Đình Tuấn



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Thời gian: Từ 13 giờ, ngày 28 tháng 04 năm 2020.

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, số 92, Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	NGƯỜI PHỤ TRÁCH
I	PHẦN THỬ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI	
13 giờ (30 phút)	Đón tiếp đại biểu, cổ đông	Ban tổ chức
	Đăng ký cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
13 giờ 30 phút (25 phút)	Chào cờ, Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và cổ đông.	Dẫn chương trình
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	Trình Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội và “ Dự thảo Quy chế làm việc Đại hội”.	Dẫn chương trình
	Giới thiệu Ban Chủ tọa.	Dẫn chương trình
	Giới thiệu Thư ký Đại hội.	Chủ tọa cử
	Biểu quyết thông qua Tổ kiểm phiếu.	Chủ tọa đề nghị, Chủ tọa cử, ĐH biểu quyết
(05 phút)	Phát biểu khai mạc Đại hội.	Ông Quốc Hồ Đình Tuấn
II	PHẦN NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	
14 giờ (120 phút)	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	Ông Quốc Hồ Đình Tuấn
	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	Ông Võ Minh Trang
	Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.	Ông Võ Minh Trang
	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	Ban kiểm soát
	Tờ trình Phương án phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2019.	Ông Võ Minh Trang
	Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của người quản lý và thư ký.	Ông Võ Minh Trang
	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	Ban kiểm soát
	Tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu nhiệm kỳ 2015-2020.	Ông Võ Minh Trang

	Lấy ý kiến cổ đông biểu quyết và tiến hành bầu bổ sung Thành viên HĐQT.	
	Thông qua Quy chế bầu cử, lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông để tiến hành bầu cử.	
	Tổ kiểm phiếu hướng dẫn ghi phiếu, phát phiếu, thu phiếu và tiến hành kiểm phiếu.	Tổ kiểm phiếu
16 giờ (15 phút)	GIẢI LAO	
	KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT	
16 giờ 20 phút (5 phút)	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết bầu bổ sung Thành viên HĐQT.	Tổ kiểm phiếu
16 giờ 25 phút (5 phút)	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội.	Tổ kiểm phiếu
16 giờ 30 phút (10 phút)	Họp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới của nhiệm kỳ 2015-2020.	Tất cả thành viên Hội đồng quản trị
	Phát biểu của Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2015-2020.	Chủ tịch Hội đồng quản trị mới
III	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	
16 giờ 40 phút (15 phút)	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu năm 2020.	 Thư ký Đại hội
	Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu năm 2020.	
17 giờ 00 phút (5 phút)	Tuyên bố Bế mạc Đại hội.	 Chủ tọa

Số: /QC-CTY

Bạc Liêu, ngày tháng năm 2020

QUY CHẾ
Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Dự thảo

PHẦN I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (sau đây gọi là Công ty).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức đại hội, quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia đại hội và thể thức tiến hành đại hội.

Điều 3. Tính hiệu lực

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

PHẦN II
ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

PHẦN III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham gia Đại hội

Các cổ đông của Công ty theo danh sách được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 06/03/2020 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ năm 2020 của Công ty; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Điều 6. Quy định về ủy quyền

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

2. Các trường hợp Giấy ủy quyền được thành lập văn bản không theo mẫu của công ty sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham gia đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham gia đại hội

- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu;

- Khi tham dự cuộc họp đại hội cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp;

- Được quyền phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

- Được ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

- Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo;

- Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế này;

- Khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham gia Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

+ Thư mời tham dự đại hội (nếu có).

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.

+ Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội).

- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;
- Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;
- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
- Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (*như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi,...*).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

- Cuộc họp ĐHCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội;
- Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ có giá trị cao nhất;
- Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;
- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến đại hội;
- Chủ tọa cử Ban thư ký Đại hội;
- Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - + Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự.
 - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội

- Ban thư ký Đại hội do Chủ tọa cử;
- Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu bao gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa đại hội đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại đại hội. Thành viên ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông Công ty;
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của cổ đông và tổ chức kiểm phiếu;
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu lại cho Chủ tọa Đại hội;
- Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

PHẦN IV TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán;
4. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
5. Tờ trình Phương án phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2019;
6. Tờ trình tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của người quản lý và thư ký;
7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
8. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu nhiệm kỳ 2015-2020.

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín

a. Việc biểu quyết các nội dung theo hình thức bỏ phiếu kín phải bảo đảm minh bạch và công bằng.

Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

b. Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

c. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty;
- Phiếu bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa;

- Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ;
- Phiếu biểu quyết không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền dự họp;
- Phiếu biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một vấn đề biểu quyết.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2. Biểu quyết trực tiếp

Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Quy chế này. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 12. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín

1. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu

- Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu.

- Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội.

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với Đoàn chủ tịch qua thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi.

Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu.

Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội.

Cổ đông không được phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định tại Đại hội

- Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp;

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này;

- Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

PHẦN V

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty.

Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

- Các cổ đông, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 147 Luật doanh nghiệp.

PHẦN VI

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18. Một số quy định khác

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

PHẦN VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Quy chế gồm 7 Phần, 19 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng CĐ;
- Lưu: HS ĐHCĐ 2020.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Quốc Hồ Đình Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty),

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của HĐQT năm 2019 và phương hướng hoạt động trong năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

1. Tình hình nhân sự:

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 Công ty chính thức chuyển giao về Tổng Công ty Kinh doanh- Đầu tư vốn Nhà nước (SCIC) nên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 có sự thay đổi thành phần, số lượng thành viên HĐQT, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm Ông Trần Văn Sỹ, Chủ tịch HĐQT;
- Bầu bổ sung Ông Quốc Hồ Đình Tuấn, Chủ tịch HĐQT; Ông Lê Văn Huy, Thành viên HĐQT.

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 gồm:

- Ông Quốc Hồ Đình Tuấn, Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm);
- Ông Võ Minh Trang, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (chuyên trách);
- Ông Lê Văn Huy, Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm).

2. Tình hình hoạt động:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp. Luôn tôn trọng và đảm bảo quyền lợi cao nhất của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo đúng pháp luật.

Trong năm 2019, cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty, triển khai các nghị quyết để thực hiện. HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp và 06 lần lấy ý kiến bằng văn bản thông qua các nội dung báo cáo, xử lý các hoạt động của Công ty. HĐQT đã ban hành 08 Quyết định, 07 Nghị quyết và 01 quy chế Công ty (đính kèm phụ

lục). Các cuộc họp của HĐQT có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự với tư cách là quan sát viên.

Tất cả thành viên tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực và đồng thuận cao theo thẩm quyền và yêu cầu làm việc của HĐQT về định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển Công ty.

HĐQT đã hoàn thành việc chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi hoạt động của Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

- Bảo toàn và phát triển vốn; tạo việc làm, nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho cổ đông;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế báo cáo và công bố thông tin;
- Thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua;
- Củng cố, sắp xếp ổn định nhân sự và hoạt động của từng phòng ban; nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả công việc;
- Kiểm soát tốt các khoản chi phí, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho Công ty;
- Triển khai thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để hoàn thiện công tác quản trị Công ty.

3. Hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc thể hiện sự nhiệt huyết và nhanh nhạy trong việc điều hành phát triển Công ty, nỗ lực hết mình hoàn thành nhiệm vụ cấp nước được giao và điều hành mọi hoạt động để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và nhiệt huyết để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN...; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tiền lương năm sau luôn cao hơn năm trước, các chế độ phúc lợi của người lao động được cải thiện và nâng cao qua từng năm.

Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo minh bạch về tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh để được thông qua, các vấn đề phát sinh theo yêu cầu sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tổng Giám đốc hoàn thành được vai trò người đại diện pháp luật trong việc công bố thông tin theo quy định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty.

Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty phối hợp tốt với HĐQT, chỉ đạo các phòng ban, xí nghiệp báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất

kinh doanh theo yêu cầu quản lý của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, kích thích tiêu dùng nước sạch và giảm tỷ lệ thất thu. Nhờ vậy Công ty hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT năm 2019, tạo cơ sở phát triển bền vững trong những năm tới, HĐQT đánh giá cao năng lực điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

4. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/09/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, trong đó:

- Doanh thu đạt 62.920,68 triệu đồng, tăng 11,53% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 8.749,38 triệu đồng, tăng 32,97% so với kế hoạch, điều này phản ánh rõ nét nhất Công ty đã sử dụng nguồn vốn góp của cổ đông một cách nhạy bén, hiệu quả nhất;

- Công ty đã đầu tư cải tạo và mở rộng nhiều tuyến ống, góp phần giảm thất thoát nước và tăng doanh thu cho công ty, đồng thời đáp ứng được hơn 95% người dân thành phố sử dụng nước sạch của Công ty. Tổng mức đầu tư XDCB trong năm 2019 thực hiện 1.740,83 triệu đồng.

Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về nghiệp vụ kinh doanh trong công tác đọc số, thu tiền, bảo dưỡng đồng hồ nước và cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế. Công ty ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ và thân thiện với khách hàng, thể hiện được sứ mệnh cấp nước phục vụ đời sống, an sinh xã hội cộng đồng.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thù lao và các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội, chi tiết phân phối quỹ thù lao thực hiện năm 2019 theo từng chức danh cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng	Số tháng làm việc	Tổng
1	Trần Văn Sỹ	Chủ tịch HĐQT	10.027.223	08	80.217.781
2	Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT	10.027.223	04	40.108.891
3	Võ Minh Trang	Thành viên HĐQT	7.798.951	12	93.587.412
4	Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	7.798.951	04	31.195.804
Tổng cộng					245.109.888

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Bảo toàn vốn, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển bền vững;
- Đảm bảo chất lượng, áp lực, liên tục 24/24 giờ (*thực hiện cấp nước an toàn*) cho khách hàng đang sử dụng, Công ty còn phải hướng đến cung cấp cho những khách hàng còn lại trong khu vực để đảm bảo người dân thành phố Bạc Liêu được sử dụng nước sạch, hạn chế khai thác bừa bãi gây ô nhiễm nguồn tài nguyên nước;
- Tập trung nguồn vốn xây dựng trạm cấp nước để bổ sung nguồn nước bị thiếu, đồng thời cải thiện áp lực một số khu vực áp lực chưa đạt yêu cầu. Song song thực hiện việc đảm bảo chất lượng nước theo quy định;
- Đảm bảo thu nhập, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần tốt nhất cho người lao động;
- Đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông.

2. Giải pháp thực hiện:

Năm 2020 Hội đồng quản trị công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị công ty; đổi mới phương pháp làm việc nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, địa phương, trong nước, Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết thông qua mục tiêu kế hoạch, duy trì ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, giảm thất thoát nước nhằm nâng cao lợi nhuận, cụ thể các công việc sau:

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- HĐQT giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT phê duyệt. Hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc tìm mọi biện pháp nâng cao năng suất lao động và giảm tối đa chi phí, mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty;
- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tài chính;
- Kiện toàn bộ máy quản lý Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí của Công ty đại chúng;
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty;
- Chú trọng nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn; nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung.

Dù tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 có ổn định và tăng trưởng, trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh cũng còn có khó khăn, nhưng với sự nỗ lực cao, Hội đồng quản trị đã triển khai tích cực và có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đảm bảo đúng Điều lệ công ty và quy định pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quốc Hồ Đình Tuấn



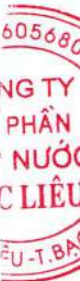


PHỤ LỤC I CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH NĂM 2019

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
I Nghị quyết Hội đồng quản trị			
1	01/NQ-HĐQT	23/01/2019	<p>1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 (tại Báo cáo số 02/BC-CTY ngày 16/01/2019 của Công ty).</p> <p>2. Thống nhất kết quả xếp loại khen thưởng người quản lý năm 2018 của Hội đồng thi đua, khen thưởng người quản lý Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>Mức chi trả khen thưởng người quản lý năm 2018 thực hiện theo quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng cho người quản lý Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 10/7/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>3. Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2018 (tại Tờ trình số 01/TTr-CTY ngày 08/01/2019 của Công ty).</p> <p>4. Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2019 (tại Tờ trình số 02/TTr-CTY ngày 16/01/2019 của Công ty).</p> <p>5. Dự thảo Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p>
2	02/NQ-HĐQT	13/4/2019	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý II năm 2019 (tại Báo cáo số 17/BC-CTY ngày 18/4/2019 của Công ty).
3	03/NQ-HĐQT	24/4/2019	Hủy ngày đăng ký chốt danh sách người sở hữu chứng khoán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu để tham dự theo Thông báo số 09/TB-CTY ngày 13/02/2019 và hủy danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán BLW của VSD số 184/2019/BLW/VSD-ĐK ngày 12/3/2019.
4	04/NQ-HĐQT	07/6/2019	Chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 theo quy định như sau: - Mức chi tạm ứng cổ tức được xác định trên cơ sở



			<p>xác định mức cổ tức được chi trả tại Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán và tỷ lệ chi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 là 1.440.775.200 đồng. - Tỷ lệ cổ tức chi trả là 1,29%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 129 đồng); - Hình thức chi trả tạm ứng cổ tức: bằng tiền; - Ngày chốt quyền nhận cổ tức: ngày 20/06/2019; - Thời gian thanh toán: ngày 27/06/2019.
5	05/NQ-HĐQT	02/8/2019	<p>Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý III năm 2019 (tại Báo cáo số 39/BC-CTY ngày 29/7/2019 của Công ty).</p>
6	06/NQ-HĐQT	25/9/2019	<p>Chi trả cổ tức còn lại năm 2018 (lần 03) cho cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (BLW) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị cổ tức chi trả: 428.850.400 đồng; - Hình thức chi trả cổ tức: bằng tiền; - Ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền: ngày 21/10/2019; - Thời gian thực hiện chi trả: ngày 06/11/2019 - Địa điểm chi trả: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức năm 2018 tại nơi mở tài khoản lưu ký; + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu nhận cổ tức tại tài khoản ngân hàng đã đăng ký với Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu bắt đầu từ ngày 06/11/2019.
7	07/NQ-HĐQT	06/11/2019	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV và ước thực hiện cả năm 2019. 2. Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả rà soát, tổng hợp về hệ thống các quy chế, quy định nội bộ quản trị, điều hành hoạt động của Công ty. 3. Phân công công việc của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020. 4. Chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.



II Quyết định Hội đồng quản trị			
1	01/QĐ-HĐQT	02/01/2019	Về việc điều chỉnh Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
2	02/QĐ-HĐQT	08/01/2019	Về việc công nhận thành tích trong quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc năm 2018.
3	03/QĐ-HĐQT	13/3/2019	Về việc trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi.
4	04/QĐ-HĐQT	23/5/2019	Về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản.
5	05/QĐ-HĐQT	28/5/2019	Về việc thanh lý giảm tài sản của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
6	06/QĐ-HĐQT	09/9/2019	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
7	07/QĐ-HĐQT	20/9/2019	Về việc ban hành Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người lao động, người quản lý, thù lao thư ký Hội đồng quản trị năm 2019.
8	08/QĐ-HĐQT	20/9/2019	Về việc ban hành Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

**PHỤ LỤC II
QUY CHẾ ĐƯỢC BAN HÀNH NĂM 2019**

Số thứ tự	Ngày	Tên quy chế
1	20/9/2019	Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.



Số: 22A/BC-CTY

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và
Nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, nay Công ty báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 cũng như đề ra phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu như sau:

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2019:

I. Đặc điểm tình hình chung của năm 2019:

1. Đánh giá chung:

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc Ban hành kế hoạch điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp trong giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, trong thời gian qua Công ty đã đầu tư cải tạo, mở rộng nhiều tuyến ống cấp nước, góp phần tăng doanh thu, tăng lợi nhuận; đồng thời đã đạt các mục tiêu trước thời hạn theo Quyết định 192 đặt ra.

Cụ thể, đến nay trên địa bàn thành phố tỷ lệ cấp nước sạch đạt hơn 95%, hướng đến đạt 100% vào năm 2022 (*sớm hơn 3 năm so với mục tiêu của tỉnh đến năm 2025*); Tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt gần 120 lít/người/ngày đêm; Thực hiện cấp nước an toàn, chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế, áp lực nước trên toàn mạng được duy trì đảm bảo nhu cầu sử dụng của khách hàng và được cung cấp liên tục 24/24 giờ; Tỷ lệ thất thoát nước ở mức thấp đạt được kế hoạch dưới 10%;

Theo kết quả thực hiện SXKD các chỉ tiêu đều đạt và vượt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, tăng khá nhất là lợi nhuận trước thuế đạt 10.982,62 triệu đồng tăng 33,53% so với kế hoạch;

Nhìn chung kết quả kinh doanh tăng trưởng khá, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận trên vốn còn thấp nên tỷ lệ chia cổ tức khoảng 5,5%/năm; Các tuyến ống cấp nước chưa đồng bộ, áp lực và chất lượng nước ở một số điểm chưa đạt yêu cầu; Việc đầu tư mở rộng chưa đáp ứng hết nhu cầu sử dụng nước của người dân thành phố; Cổ đông luôn mong muốn cổ tức năm sau cao hơn năm trước trong khi đó giá nước không được điều chỉnh kịp thời so với chi phí sản xuất đầu vào luôn tăng theo hàng năm, đây là một trong những vấn đề đặt ra đòi hỏi Ban điều hành phải có biện pháp thích hợp để đảm bảo các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng ổn định theo định hướng của Công ty;

Tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Phòng – Xí nghiệp, tổ chức Đoàn thể trong Công ty đoàn kết, thống nhất, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết đại hội cổ đông đã đặt ra; Người lao động được quan tâm chăm lo đời sống về vật chất và tinh thần, tiền lương năm sau luôn cao hơn năm trước, các chế độ phúc lợi được cải thiện và

nâng cao tạo sự yên tâm công tác là động lực cho người lao động phấn đấu đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty có một số thuận lợi và khó khăn như sau:

2. Thuận lợi:

Luôn nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành có liên quan;

Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước cùng với đội ngũ người lao động của công ty có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và tận tâm với công việc; cũng như xây dựng hệ thống mạng cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, nâng cao chất lượng nước;

Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có sự cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nên hoạt động cấp nước mang tính ổn định cao.

3. Khó khăn:

Vốn đầu tư phát triển mới hệ thống cấp nước chủ yếu dựa vào nguồn trích khấu hao hàng năm của công ty, do đó chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của thành phố, cũng như nhu cầu sử dụng nước của người dân, nhất là khu vực ngoại ô thưa dân cư mà chi phí đầu tư rất cao mang lại hiệu quả ít nên khó khăn về vốn đầu tư để đảm bảo đáp ứng 100% người dân thành phố sử dụng nước sạch của Công ty;

Tình trạng bể ống nước thường xuyên do đơn vị thi công gây ra làm cho việc cấp nước đến khách hàng bị gián đoạn, ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất; đồng thời tốn kém chi phí khắc phục, gây thất thoát lượng nước không nhỏ, ...Đối tượng gây hư hại thì “dây dưa” không bồi thường, trong khi đó Công ty chưa có chế tài xử lý nghiêm để tránh tình trạng này xảy ra gây tổn kém cho Công ty và khách hàng;

Các trang thiết bị của 02 nhà máy xử lý nước đã được đầu tư xây dựng nhiều năm, hoạt động liên tục hết công suất nay đã xuống cấp nên chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo nhà máy hàng năm tương đối lớn.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2019:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh (%)
1	Nước khai thác	m ³	8.047.214	7.936.413	98,62
2	Nước tiêu thụ	m ³	7.166.712	7.268.097	101,41
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	56.418,03	62.920,69	111,53
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.224,74	10.982,62	133,53
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.579,79	8.749,39	132,97

2. Kết quả thực hiện của một số lĩnh vực khác:

2.1. Lĩnh vực quản lý, chăm sóc và phát triển khách hàng:

2.1.1. Kết quả:

- Công tác thu bằng hóa đơn điện tử, in giấy báo tại chỗ, thí điểm ghi thu đồng thời một số tuyến đường, bước đầu mang lại hiệu quả và sẽ đánh giá nhân rộng áp dụng cho toàn thành phố;

- Tăng cường nhân viên ghi thu đồng hồ nước kết hợp phát triển khách hàng nước uống đóng chai đã tạo sự tăng trưởng qua từng tháng;

- Công tác ghi chỉ số đồng hồ đã hạn chế được tình trạng ghi không, ghi không chính xác nên số vụ khiếu nại, yêu cầu điều chỉnh của khách hàng giảm đáng kể tạo được niềm tin trong khách hàng sử dụng nước;

- Phân công người triển khai thủ tục vào nước đến từng nhà của khách hàng cho những tuyến đường công ty mới phát triển;

- Phát triển công tác giao khoán thu hộ đã mang lại hiệu quả, tiết kiệm được chi phí cho công ty và giảm được số lao động trong năm qua;

- Triển khai thí điểm khu dân cư thực hiện không thu tiền mặt tại nhà khách hàng.

2.1.2. Tồn tại:

- Việc triển khai thu hộ qua ngân hàng và các phương tiện khác chưa thu hút được nhiều khách hàng tham gia, chưa đủ bù với khách hàng phát triển mới, đồng thời ảnh hưởng đến việc sắp xếp phân công lại lao động;

- Một số khách hàng còn nợ tiền nước kéo dài nhiều năm, tồn thu hóa đơn tiền nước theo chuẩn thu hàng tháng vẫn còn cao và việc thu nộp tiền của nhân viên còn tập trung vào cuối tháng làm ảnh hưởng đến việc cân đối thu chi thường xuyên;

- Công tác thông tin đến khách hàng về những sự cố liên quan làm gián đoạn việc cấp nước để khách hàng chủ động trong sản xuất sinh hoạt, cũng như các giải đáp thắc mắc của khách hàng chưa được thông tin kịp thời;

- Việc phát triển khách hàng sử dụng nước sinh hoạt không đạt theo kế hoạch do không nhận được Trạm cấp nước xã Hiệp Thành, các địa bàn còn lại ở xa trung tâm, chi phí đầu tư cao, khách hàng ít và hệ thống mạng lưới cấp nước chưa đồng bộ dẫn đến áp lực yếu không thể đầu tư mở rộng thêm;

- Sản xuất nước uống đóng chai hoạt động từ tháng 11/2017 nhưng do trong thời gian đầu chính sách bán hàng chưa thật sự phù hợp dẫn đến hiệu quả chưa cao, Công ty đã thay đổi chính sách bán hàng phù hợp hơn nhưng do thời gian gần đây bị ảnh hưởng bởi chủ trương hạn chế dùng chai nhựa nên doanh thu mặc dù đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn chưa đạt theo kế hoạch đặt ra.

2.2. Lĩnh vực quản lý và phát triển mạng lưới cấp nước:

2.2.1. Kết quả:

- Thực hiện tốt công tác quản lý mạng lưới cấp nước trên khu vực nên nguồn nước cung cấp đến khách hàng cơ bản đảm bảo đủ áp lực và đạt chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; đồng thời đã duy trì được tỷ lệ thất thoát dưới 10%, góp phần làm giảm chi phí sản xuất và tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên;

- Thường xuyên kiểm tra tuyến ống cấp nước trên các vùng nhằm phát hiện kịp thời tình trạng bể ống gây thất thoát, gian lận sử dụng nước và thực hiện tốt công tác điều áp nước. Kịp thời khắc phục các sự cố liên quan đến đường ống cấp nước góp phần duy trì cấp nước liên tục cho người sử dụng.

2.2.2. Tồn tại:

- Chưa đồng bộ được hệ thống quản lý mạng lưới cấp nước toàn thành phố qua đó để giúp chủ động ngăn ngừa, xử lý hiệu quả hơn khi sự cố xảy ra;

- Chưa có biện pháp cảnh báo hiệu quả dẫn đến tình trạng các công trình thi công làm bể ống của Công ty. Nếu thực hiện tốt hơn nữa công tác này sẽ góp phần cấp nước liên tục cho khách hàng, làm giảm chi phí cho Công ty, giảm thất thoát nước và không gây thiệt hại cho các đơn vị, cá nhân làm bể ống nước;

- Một số ít khu vực áp lực nước còn thấp, cũng như chất lượng chưa đảm bảo theo yêu cầu dẫn đến khách hàng còn khiếu nại, thắc mắc.

2.3. Lĩnh vực Tổ chức, hành chính, lao động, tiền lương, công nghệ thông tin:

2.3.1. Kết quả:

a) Về Tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tham mưu BĐH kịp thời, đúng quy định trong công tác: Xử lý kỷ luật lao động; bổ nhiệm lại; điều động lãnh đạo và người lao động trong Công ty; Giải quyết cho thôi việc theo nguyện vọng và chế độ nghỉ hưu khi đến tuổi;

- Tham mưu Hội đồng lương xây dựng, áp dụng thang bảng lương theo phương pháp 3P đã góp phần điều chỉnh trong việc chi trả lương hợp lý hơn; đồng thời tiết kiệm được chi phí thuê mướn chuyên gia tư vấn hàng trăm triệu đồng.

b) Công tác đào tạo:

Ngoài việc tham gia đào tạo lớp nghiệp vụ cấp thoát nước tại Trường Đại học xây dựng Miền Tây, trong năm đã tổ chức được các lớp như: nghiệp vụ định giá xây dựng; giám sát công trình xây dựng; kỹ thuật hàn ống HDPE; kiến thức cơ bản về quy trình xử lý nước và một số lớp khác theo kế hoạch đã đặt ra nhằm thường xuyên cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ đảm bảo cho nhu cầu công việc của Công ty.

c) Công tác Quản trị hành chính và Lưu trữ:

- Phối hợp với đơn vị Tư vấn: Đào tạo, xây dựng xong bộ tài liệu ISO 9001:2015 và đã được công nhận đạt chuẩn ISO 9001:2015;

- Tiếp nhận hồ sơ từ các bộ phận đưa vào kho và thực hiện số hóa việc lưu trữ tài liệu đảm bảo an toàn và đúng quy định hiện hành.

d) Công tác An toàn lao động và phòng chống cháy nổ:

Đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn ATLĐ cho người lao động; đồng thời tổ chức tập huấn PCCC và diễn tập phương án chữa cháy tại chỗ theo qui định.

e) Công tác quản lý công nghệ thông tin:

- Áp dụng phần mềm thu tiền nước bằng hóa đơn điện tử;

- Triển khai phần mềm ghi – thu đồng thời bằng thiết bị cầm tay;

- Xây dựng và áp dụng phần mềm Kinh doanh nước uống đóng chai sử dụng chung với phần mềm ghi thu tiền nước bằng điện thoại di động.

f) Công tác thi đua khen thưởng:

- Đã tổ chức phát động thi đua, triển khai cho NLĐ đăng ký thi đua và bình xét thi đua, khen thưởng năm 2019 tại HN NLĐ;

- Thực hiện đăng ký thi đua cụm 9 và đang thực hiện tổng kết đánh giá.

g) Xây dựng, điều chỉnh Quy định, Qui chế:

- Đã tham mưu Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh và ban hành nhiều Qui chế, Qui định phù hợp hơn với thực tế đặt ra;

- Đối với các mặt công tác này, hướng tới cần nghiên cứu ứng dụng thêm nhiều tiến bộ của khoa học công nghệ vào quản lý điều hành của Công ty nhất là trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

2.3.2. Tồn tại:

Do một số lớp đào tạo, tập huấn phụ thuộc đơn vị bên ngoài hoặc Công ty không còn nhu cầu đào tạo nên trong năm Phòng chưa phối hợp tổ chức được. Phòng đã xin ý kiến và được Tổng Giám đốc đồng ý xóa khỏi kế hoạch những lớp này và một số lớp đã đăng ký tham gia với Hội CTN VN nhưng Hội không tổ chức.

2.4. Lĩnh vực sản xuất nước sạch:

2.4.1. Kết quả:

Thực hiện công tác đầu tư nâng cấp và bảo trì nhà máy thường xuyên theo đúng kế hoạch, Xí nghiệp đã đảm bảo lưu lượng nước cung ra mạng để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu nước của khách hàng;

Tổ chức vận hành sản xuất ổn định dây chuyền nước uống đóng chai đảm bảo đủ sản phẩm cung cấp cho thị trường tiêu thụ trong thời gian qua.

2.4.2. Tồn tại:

Tuy nhiên, trong thời gian qua nguồn nước thô bị thiếu trong các giờ cao điểm, trong khi 02 nhà máy đã hoạt động gần hết công suất nên đôi lúc việc cấp nước còn thiếu ở một số khu vực; đồng thời không có giếng nước thô dự phòng thay thế trong trường hợp giếng khác ngưng hoạt động;

Độ cứng từ nguồn nước khai thác của các giếng để sản xuất cấp nước sinh hoạt vượt tiêu chí cho phép của Bộ Y tế và việc tuân thủ một số quy định khác theo tài nguyên – môi trường, y tế,...còn nhiều hạn chế mà thời gian tới cần nhanh chóng khắc phục.

2.5. Lĩnh vực Kế hoạch, Kỹ thuật :

2.5.1. Kết quả:

a) Công tác kế hoạch, vật tư:

- Cung ứng vật tư đảm bảo chủng loại, chất lượng, đáp ứng đầy đủ, kịp thời theo nhu cầu sử dụng của Công ty;

- Tham mưu Ban TGD lập kế hoạch phát triển, tổ chức giám sát thường xuyên việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cũng như việc xây dựng kế hoạch thực hiện cho những năm tiếp theo.

b) Công tác giám sát, khảo sát, thiết kế lắp đặt ống nhánh:

- Thiết kế vô nước mới và khảo sát xử lý khiếu nại liên quan đến kỹ thuật của khách hàng kịp thời đúng tiến độ, khảo sát thiết kế giám sát thi công các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và đưa vào sử dụng kịp thời phát huy hiệu quả SXKD;

- Tham gia giám sát các công trình xây dựng do Công ty làm chủ đầu tư và các công trình do đơn vị khác làm chủ đầu tư;

- Tham mưu kịp thời cho Ban TGD các công việc phát sinh liên quan đến đền bù giải tỏa, xử lý vướng mắc,...theo yêu cầu của UBND thành phố Bạc Liêu về xử lý một số vấn đề cấp bách của thành phố nhất là dự án mở rộng tuyến đường Cao Văn Lầu và dự án “Nâng cấp đô thị thành phố Bạc Liêu”.

2.5.2. Tồn tại:

- Chưa thực hiện tốt việc tách bạch, đề xuất xử lý tài sản giảm khi đầu tư tài sản khác thay thế; cũng như việc tham mưu xử lý vật tư tồn kho không có nhu cầu sử dụng dẫn đến tồn kho còn cao như hiện nay;

- Tiến độ giải ngân xây dựng cơ bản không đạt kế hoạch do một số công trình đầu tư lớn như: xây dựng Trạm cấp nước khu công nghiệp Trà Kha bị thay đổi vị trí đất xây dựng; Xử lý độ cứng của Nhà máy số 1 phải thực hiện theo đấu thầu; Đầu tư bể chứa 500 m³ bị chậm trễ do hàng nhập khẩu mất nhiều thời gian; Trạm tăng áp đường Cao Văn Lầu chưa đầu tư được do vướng mặt bằng;...Các hạng mục đầu tư này tiếp tục chuyển sang năm 2020 để thực hiện tiếp.

2.6. Lĩnh vực Tài chính:

2.6.1. Kết quả:

- Kịp thời tham mưu cho Người đại diện vốn, Ban TGD thực hiện đúng chủ trương của Chính phủ về thực hiện thoái vốn theo chỉ đạo của UBND tỉnh, cũng như việc bàn giao vốn chủ sở hữu nhà nước về SCIC;

- Tham mưu Ban TGD thực hiện đúng các quy định quản lý của nhà nước liên quan đến công tác tài chính – kế toán;

- Tham mưu đề xuất quản lý tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về tài chính, áp dụng kịp thời các thay đổi về chính sách nhà nước đối với người lao động và hoạt động của Công ty.

2.6.2. Tồn tại:

Trong thời gian tới tích cực phối hợp với các bộ phận có liên quan chủ động đề xuất xử lý vật tư tồn kho không cần dùng nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn; hạn chế tồn kho tiết kiệm chi phí quản lý vào khoản dự phòng hàng tồn kho.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020:

I. Nhận định tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020:

Hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp nước sạch, đây cũng là mặt hàng thiết yếu của người dân. Trong những năm qua Công ty đã tập trung phát triển mạng lưới cấp nước đến nay gần như phủ kín khu vực nội ô thành phố. Do đó, khả năng tăng trưởng trong năm 2020 là không nhiều, chủ yếu tăng từ lượng nước sử dụng của những khách hàng đã phát triển. Vì vậy, Công ty sẽ tập trung nguồn vốn xây dựng Trạm cấp nước khu công nghiệp Trà Kha để bổ sung nguồn nước bị thiếu, đồng thời cải thiện áp lực một số khu vực chưa đạt yêu cầu; bố trí vốn để đầu tư một số hạng mục theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên & Môi trường như: Khoan giếng quan trắc, hệ thống quan trắc tự động,...Nên nguồn vốn để đầu tư mở rộng một số vùng xa trung tâm sẽ không thực hiện.

Nguồn thu khác là sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai dự báo tiếp tục năm 2020 sẽ gặp khó khăn do chủ trương của Chính phủ hạn chế dùng chai nhựa nên nhiều sở, ban, ngành, trung tâm hội nghị, khu du lịch, tham quan,... đã chuyển sang dùng nước bình loại lớn và lắp đặt hệ thống lọc nước uống tại vòi làm giảm nguồn thu đáng kể. Vì vậy, hướng đến công ty sẽ tiết giảm chi phí sản xuất và mở rộng địa bàn khác tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời xem xét điều chỉnh giá nước cho phù hợp với chi phí biến động tăng như hiện nay.

II. Kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Mục tiêu phát triển:

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 phát triển phù hợp với xu thế của tỉnh, kỳ vọng của nhà đầu tư và điều kiện hiện tại Công ty đề ra các mục tiêu sau:

- Bảo toàn, phát triển nguồn vốn của Công ty; thực hiện đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nâng thu nhập của người lao động Công ty;

- Thực hiện cấp nước an toàn đúng theo quy định và tăng thêm tỷ lệ cấp nước sạch trên địa bàn thành phố (theo Quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu);

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất kinh doanh.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020:

2.1. Các chỉ tiêu chính về sản xuất:

- Sản lượng nước khai thác: **8.200.000 m³**, tăng 3,32% so với năm 2019;

- Sản lượng nước tiêu thụ: **7.400.000 m³**, tăng 1,81% so với năm 2019;

- Khách hàng sử dụng nước: **30.764** khách hàng, tăng 3,36% so với năm 2019;

- Tỷ lệ thất thoát nước < **12%**;

- Thực hiện cấp nước an toàn theo quy định và tăng tỷ lệ cấp nước sạch để hướng đến năm 2022 phủ 100% trên địa bàn thành phố.

2.2. Các chỉ tiêu chính về tài chính:

- Doanh thu: **58.900 triệu đồng**, tăng 4,40% so với năm 2019;

- Chi phí: **49.588 triệu đồng**, tăng 2,89% so với năm 2019;

- Lợi nhuận chưa thuế: **9.312 triệu đồng**, tăng 13,22% so với năm 2019;

- Lợi nhuận sau thuế: **7.449,6 triệu đồng**, tăng 13,22% so với năm 2019;

- Nộp ngân sách: **1.862,4 triệu đồng**, tăng 13,22% so với năm 2019;

- Đầu tư xây dựng khoảng **37.986 triệu đồng** (Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm);

- Cổ tức dự kiến: **5% vốn điều lệ trở lên**

2.3. Đầu tư, phát triển:

- Đầu tư xây dựng Trạm cấp nước khu công nghiệp Trà Kha;

- Đầu tư hệ thống quan trắc đảm bảo theo quy định của Bộ TN & MT và Bộ Y tế;
- Đầu tư cải tạo và mở rộng một số tuyến cấp nước nội ô thành phố Bạc Liêu;

3. Giải pháp thực hiện:

3.1. Giải pháp về tài chính

- Tập trung tích lũy về nguồn vốn để có đủ tiềm lực về tài chính, đủ sức thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng cao của người dân thành phố;
- Tối đa hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư;
- Điều chỉnh giá nước cho phù hợp với chi phí sản xuất đầu vào của Công ty.

3.2. Giải pháp về thị trường

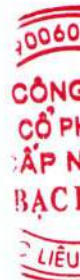
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, mở rộng địa bàn sử dụng nước sạch và nước uống đóng chai để bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng;
- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn để khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng.

3.3. Giải pháp về khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh như: quản lý tài sản, quản lý công tác ghi thu trên nền tảng ứng dụng GIS;
- Áp dụng hệ thống thu hồi nước từ nguồn nước rửa lọc để tái sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí và nguồn tài nguyên nước;
- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành thông qua việc điều khiển từ xa các giếng bơm nước thô, áp dụng những công nghệ mới trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước, chống thất thoát...

3.4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, cống hiến của người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao của từng bộ phận, từng cá nhân góp phần thành công chung của tập thể Công ty;
- Đánh giá năng lực cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động để tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân;
- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo tại chỗ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng;
- Tăng cường công tác tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, kỹ năng giao tiếp của tất cả cán bộ nhân viên trong công ty nhất là đối với đội ngũ nhân viên thường xuyên tiếp xúc với khách hàng;



- Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi.

3.5. Giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh

Triển khai quán triệt đến tất cả lãnh đạo, người lao động trong Công ty nắm rõ, cùng nhau xây dựng kế hoạch và thống nhất thực hiện các biện pháp quản lý, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước, tăng doanh thu – lợi nhuận; đồng thời tiết kiệm chi phí; cũng chính là gia tăng sự thụ hưởng cho chính người lao động của Công ty.

C. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn quan tâm vận dụng các chính sách, chế độ theo quy định nhà nước, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động vì thế mà người lao động luôn yên tâm lao động sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty. Trong những năm qua với phương châm này đã phát huy được nhiều tác dụng.

Trong năm 2019, vào các dịp Lễ, Tết, Công ty phối hợp với Công đoàn hỗ trợ chi phí tàu xe cho người lao động để họ có điều kiện về quê sum họp với gia đình. Không chỉ vậy, hỗ trợ cho người lao động khi gia đình không may có ma chay hay khi gia đình có hiếu hỷ và cả ngày sinh nhật cũng được quan tâm kịp thời. Trong năm, với sự hỗ trợ của chính quyền, Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với Ban chấp hành Chi đoàn đã tổ chức 02 đợt sinh nhật tập thể cho toàn bộ người lao động. Với không khí vui tươi, đoàn kết và phấn khởi đã tạo thêm nhiều động lực, niềm tin cho người lao động nỗ lực, phấn đấu hết mình vì sự phát triển chung của Công ty.

Ý thức được việc độc hại của công việc đối với đội ngũ công nhân mà đặc biệt là những công nhân công tác trong lĩnh vực vận hành chạy máy khai thác nước, đào và lắp đặt đồng hồ và hệ thống cấp nước... Hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp cũng như nâng cao sức khỏe cho người lao động. Đồng thời, do hàng ngày người lao động luôn phải đối mặt với những nguy hiểm nên việc trang bị đồ bảo hộ lao động hàng năm là công việc luôn đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty phải đặc biệt chú trọng.

Không chỉ thế, định kỳ hàng năm Công ty thường tổ chức những buổi tập huấn, diễn tập, tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy... cho toàn thể đội ngũ người lao động nhằm trang bị trong mỗi người những kiến thức hữu ích và cần thiết phục vụ cho công việc để trước hết mỗi người lao động có ý thức tự bảo vệ mình, trước những khó khăn, nguy hiểm phải đối mặt.

Ý thức được vấn đề muốn Công ty phát triển một cách vững chắc thì công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ người lao động cần phải được chú trọng. Do vậy trong thời gian qua, công tác đào tạo được Công ty khá coi trọng, Công ty đã mạnh dạn cử nhiều đối tượng tham dự các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn như Chỉ huy trưởng công trình xây dựng; Nghiệp vụ định giá xây dựng; Nghiệp vụ đấu thầu xây dựng; Kỹ thuật lắp đặt, duy tu, sửa chữa đường ống cấp nước; Kiểm nghiệm viên phòng thí nghiệm... với tổng chi phí hàng trăm triệu đồng để có được một đội ngũ kế thừa giàu năng lực.

Đối với việc thực hiện 04 chế độ bảo hiểm, với chủ trương luôn vận dụng tốt và đúng những quy định của Pháp luật để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, chính vì vậy mà Công đoàn và Ban lãnh đạo Công ty luôn thực hiện tốt việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tham gia bảo hiểm tai nạn



con người cho 100% lao động trong Công ty góp phần làm cho người lao động yên tâm hơn trong lao động sản xuất góp phần thực hiện thắng lợi các kế hoạch của Công ty trong suốt những năm qua.

Cụ thể:

Tổng số tiền tham gia chế độ Bảo hiểm xã hội cho NLĐ trong năm 2019: là **1.989.123.132** đồng. Trong đó:

+ Công ty nộp: 1.365.084.502 đồng.

+ NLĐ nộp: 624.038.630 đồng.

- Tổng số tiền tham gia chế độ Bảo hiểm y tế cho NLĐ trong năm 2019: là **351.528.290** đồng. Trong đó:

+ Công ty nộp: 234.352.193 đồng.

+ NLĐ nộp: 117.176.097 đồng.

- Tổng số tiền tham gia chế độ Bảo hiểm thất nghiệp cho NLĐ trong năm 2019: là **156.009.624** đồng. Trong đó:

+ Công ty nộp: 78.004.812 đồng.

+ NLĐ nộp: 78.004.812 đồng

- Năm 2019, tham gia Bảo hiểm tai nạn cho 95 lao động, người quản lý với tổng số tiền là **15.675.000** đồng.

- Tổng số tiền ăn giữa ca đã chi trả cho người lao động trong năm 2019 là **777.960.759** đồng.

- Đã tiến hành các thủ tục cho thôi việc theo nguyện vọng cho 02 trường hợp; tiến hành các thủ tục giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản cho 21 trường hợp theo đúng qui định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



Võ Minh Trang

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

DVT: Triệu đồng.

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	QUY MÔ THIẾT KẾ	DỰ ÁN ĐẦU TƯ			THANH TOÁN VỐN NĂM 2019	KẾ HOẠCH NĂM 2020	GHI CHÚ
					QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG	TỔNG MỨC			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 8-9	11
A	CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2020						26,976	0	26,976	
1	Công trình: Lắp đặt hệ thống cấp nước tại 1 đường, 2 hẻm nội ô thành phố Bạc Liêu						1,520	0	1,520	1. Tổng mức đầu tư tính theo suất đầu tư khái toán sơ bộ của tư vấn. 2. Nhu cầu đầu tư và hiệu quả:- Hạng mục 1: Lắp thêm ống truyền tải để đảm bảo áp lực nước được tốt hơn và có tuyến ống dự phòng khi ống truyền tải cũ khi có sự cố.- Hạng mục 2 và 3: Phát triển thêm mạng lưới cấp nước, tăng lượng khách hàng và thực hiện các tiêu chí của tỉnh về nước sinh hoạt trong nội ô thành phố Bạc Liêu.
1.1	Hạng mục 1: Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D315mm đường Hòa Bình nối dài (Đoạn từ Lê Duẩn đến Lê Lợi) Phía Bắc - Phường 1	Phường 1- TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp III	Xin chủ chương đầu tư		1,280	0	1,280	
1.2	Hạng mục 2: Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D63mm hẻm tập thể khu 509, đường Giồng Nhãn (đoạn từ đường Giồng Nhãn đến hộ ông Lê Văn Đâu), phường Nhà Mát	Phường Nhà Mát- TP. Bạc Liêu					150	0	150	
1.3	Hạng mục 3: Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D63mm hẻm 2 Lượng, đường Cao Văn Lầu (đoạn từ ông Lê Văn Nhiên đến hộ bà Vưu Ngọc Linh), phường Nhà Mát	Phường Nhà Mát - TP. Bạc Liêu					90	0	90	



2	Công trình: Làm đường vào nhà máy nước số 2, sửa chữa nâng nền giếng nước thô 5, 17 và nâng nền nhà máy số 2	Phường 2 và phường 5 - TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư				900	0	900	1. Tổng mức đầu tư tính theo suất đầu tư khái toán sơ bộ của tư vấn. 2. Nhu cầu và hiệu quả khi đầu tư: Do ảnh hưởng của việc nâng cấp và mở rộng đường của TP. BL nên phải sửa chữa để phục vụ cho việc đi lại được tốt hơn.
3	Công trình: Hệ thống quan trắc tự động nước ngầm 10 giếng nước thô truyền dữ liệu về Sở tài nguyên tỉnh Bạc Liêu và Cục Quản lý Tài nguyên nước	Phường 1, 2 và phường 5	Trong năm 2020	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư				2,976	0	2,976	1. Đơn giá lấy theo báo giá của các đơn vị cung cấp thiết bị. 2. Nhu cầu và hiệu quả: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và yêu cầu của Đoàn thanh tra Cục Tài nguyên về việc giám sát tự động kết nối với máy chủ của Bộ Tài nguyên
4	Công trình: khoan và lắp đặt 3 trạm quan trắc quan trắc tự động liên tục nước ngầm truyền dữ liệu về Sở tài nguyên tỉnh Bạc Liêu và Cục Quản lý Tài nguyên nước		Trong năm 2020	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư				1,850	0	1,850	
4.1	Hạng mục 1: Khoan 3 giếng quan trắc	Phường 1 và phường 5							950	0	950	
4.2	Hạng mục 2: Lắp đặt hệ thống quan trắc và truyền dữ liệu về máy chủ kết nối với Sở Tài nguyên và Cục Quản lý Tài nguyên nước	Phường 1 và phường 5							900	0	900	
5	Công trình: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước đầu vào và đầu ra		Trong năm 2020	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư				1,100	0	1,100	
5.1	Hạng mục 1: Hệ thống quan trắc tự động liên tục nước đầu vào và các chỉ tiêu: Độ đục, PH và nhiệt độ, độ mặn	Nhà máy 1 và nhà máy 2							700	0	700	
5.2	Hạng mục 2: Hệ thống quan trắc tự động liên tục nước đầu ra và các chỉ tiêu: Độ đục, PH và nhiệt độ, độ mặn, Clo dư	Nhà máy 1 và nhà máy 2							400	0	400	

900
CÓ
CÁI
BÀ
1C

6	Xây dựng trạm cấp nước 4000m3/ngày/đêm trong khu công nghiệp Trà Kha	Phường 8 - TP. Bạc Liêu	Năm 2020	Công trình cấp III	Xin chủ chương đầu tư				1. Tổng mức đầu tư tính theo suất đầu tư khái toán sơ bộ của tư vấn 2. Nhu cầu đầu tư và hiệu quả khi đầu tư: Kèm theo bảng tính toán chi tiết
							15,000	0	15,000
7	Công trình: Trạm giám sát áp lực.						350	0	350
7.1	Hạng mục 1: Trạm giám sát áp lực cuối đường Trà Khứa - phường 8 - thành phố Bạc Liêu	Phường 8 - TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư		175	0	175
7.2	Hạng mục 2: Trạm giám sát áp lực đường Giồng Nhãn - phường Nhà Mát - thành phố Bạc Liêu	Phường Nhà Mát - TP. Bạc Liêu					175	0	175
8	Công trình: Khoan giếng nước thô số 19, đường Cao Văn Lầu, phường 5, TP. Bạc Liêu						3,280	0	3,280
8.1	Hạng mục 1: Lập đề án thăm dò nước dưới đất để xin giấy phép	Phường 5 - TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp IV	Xin chủ chương đầu tư		30	0	30
8.2	Hạng mục 2: Khoan thăm dò số 19, đường Cao Văn Lầu, phường 5, TP. Bạc Liêu	Phường 5 - TP. Bạc Liêu					250	0	250
8.3	Hạng mục 3: Giếng khoan khai thác số 19, đường Cao Văn Lầu, phường 5, TP. Bạc Liêu	Phường 5 - TP. Bạc Liêu					1,500	0	1,500
8.4	Hạng mục 4: Lắp đặt đường ống kỹ thuật, nhà điều hành giếng nước thô số 19, đường Cao Văn Lầu, phường 5, TP. Bạc Liêu	Phường 5 - TP. Bạc Liêu					1,500	0	1,500
B	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2019: Do Đại hội cổ đông tiến hành chậm đến tháng 9/2019 mới tổ chức dẫn đến việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 kéo dài, nên một số công trình không thực hiện kịp theo kế hoạch. Do đó phải chuyển tiếp qua năm 2020 để thực hiện.						12,000	990	11,010

60566
 NG T
 PHÂN
 NƯỚC
 C LI
 ẾU-T.

1	Công trình: Giếng khoan khai thác số 18, tại nhà máy số 2, đường Hàm Nghi, phường 5, TP. Bạc Liêu	Nhà máy số 2 - Phường 5 - TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp III	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	11/6/2019	1,500	-	1,500	Tổng mức đầu tư tính theo suất đầu tư khái toán sơ bộ của tư vấn
2	Công trình: Lắp đặt đường ống kỹ thuật giếng khoan khai thác số 18, tại nhà máy số 2, đường Hàm Nghi, phường 5, TP. Bạc Liêu	Nhà máy số 2 - Phường 5 - TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp III	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	11/6/2019	800	-	800	Tổng mức đầu tư tính theo suất đầu tư khái toán sơ bộ của tư vấn
3	Công trình: Lắp đặt bể chứa nước sạch 500m ³ tại nhà máy số 1	Nhà máy số 1 - Phường 1- TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp III	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	11/6/2019	1,700	990	710	Tổng mức đầu tư tính theo suất đầu tư khái toán sơ bộ của tư vấn
4	Xử lý độ cứng NM1 (Công suất 200m ³ /h)	Nhà máy số 1 - Phường 1- TP. Bạc Liêu	Trong năm 2020	Công trình cấp III	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	11/6/2019	8,000	-	8,000	Đơn giá lấy theo hồ sơ dự toán đã lập hoàn thành. Khi kế hoạch điều chỉnh giá nước được phê duyệt thì mới thực hiện đầu tư
TỔNG CỘNG: A+B							38,976	990	37,986	
Bảng chữ: Ba mươi bảy tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu										
C	CÔNG TRÌNH BỒI THƯỜNG GIẢI TỎA DO ĐƠN VỊ KHÁC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ CHUYÊN TIẾP TỪ 2019 QUA NĂM 2020 ĐỂ THỰC HIỆN TIẾP DO VƯỚNG MẶT BẰNG THI CÔNG						4,513		4,513	
1	Dự án: cải tạo và nâng cấp đường Hòa Bình - Thành phố (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Tôn Đức Thắng):	Phường 1 - TP. Bạc Liêu	Năm 2019 chuyên tiếp qua năm 2020	Công trình cấp IV	Theo Quyết định Bồi thường của Thành Phố Bạc Liêu		124		124	Suất đầu tư lấy theo HS dự toán đã lập hoàn thành



2	Công trình: Di dời đường ống cấp nước đường Cao Văn Lầu (dự án mở rộng đường Cao Văn Lầu) đoạn đầu	Phường Nhà Mát - TP. Bạc Liêu	Năm 2019 chuyển tiếp qua năm 2020	Công trình cấp IV	QĐ số 271/QĐ-UBND	25/7/2018	1,308	1,308	Theo Quyết định bồi thường giải tỏa
3	Di dời đường ống cấp nước đường Cao Văn Lầu (dự án mở rộng đường Cao Văn Lầu) phát sinh	Phường Nhà Mát - TP. Bạc Liêu	Năm 2019 chuyển tiếp qua năm 2020	Công trình cấp IV	QĐ số 238/QĐ-UBND	12/3/2019	1,233	1,233	Theo Quyết định bồi thường giải tỏa
4	Công trình: Di dời hệ thống cấp nước đường Hàm Nghi	Phường 5 - TP. Bạc Liêu	Năm 2019 chuyển tiếp qua năm 2020	Công trình cấp IV	Theo Quyết định Bồi thường của Thành Phố Bạc Liêu		1,708	1,708	Suất đầu tư lấy theo HS dự toán đã lập hoàn thành
5	Công trình: Di dời hệ thống cấp nước đường Điện Biên Phủ - phường 3 - TP. Bạc Liêu (Đoạn từ đường Ninh Bình đến Lê Hồng Nhi), Phía Bắc	Phường 3 - TP. Bạc Liêu	Năm 2019 chuyển tiếp qua năm 2020	Công trình cấp IV	Theo Quyết định Bồi thường của Thành Phố Bạc Liêu		140	140	Suất đầu tư lấy theo HS dự toán đã lập hoàn thành

* **Ghi chú:** Đơn giá trên là đơn giá tính suất đầu tư khái toán sơ bộ để tính mức đầu tư và nhu cầu vốn trong kế hoạch năm 2020. Giá trị quyết toán công trình thực hiện theo hồ sơ thiết kế và dự toán được các Sở, Ban Ngành thẩm định và chủ đầu tư phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Bạc Liêu, Ngày 15 tháng 03 năm 2019.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Minh Trang

Số: 01/TTTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019,

Căn cứ danh sách các đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 chấp thuận tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019, theo đó Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu có Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 06/11/2019 chọn Công ty TNHH Kiểm toán Vaco là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải tại website của Công ty (<http://capnuocbaclieu.com.vn>), bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Báo cáo tài chính
1.	Tổng tài sản	Đồng	130.733.338.322
-	Tài sản ngắn hạn	Đồng	31.063.917.978
-	Tài sản dài hạn	Đồng	99.669.420.344
2.	Tổng nguồn vốn	Đồng	130.733.338.322
-	Nợ phải trả	Đồng	10.409.968.693
-	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	120.323.369.629
3.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	111.688.000.000
4.	Tổng doanh thu	Đồng	62.920.686.645



5.	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	10.982.624.619
6.	Thuế TNDN	Đồng	2.233.237.837
7.	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	8.749.386.782
8.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	703

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quốc Hồ Đình Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

92 Lê Duẩn, Khóm 07, Phường 01, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Sỹ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019
Ông Võ Minh Trang	Thành viên	
Ông Lê Văn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Minh Trang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bào	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Trang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

92 Lê Duẩn, Khóm 07, Phường 01, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
BẠC LIÊU

VÕ MINH TRANG

Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Số: 002/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 01 năm 2020, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2020



Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1882-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.063.917.978	31.210.232.235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.116.844.160	21.935.901.381
1. Tiền	111		4.118.691.984	4.105.778.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.998.152.176	17.830.123.319
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.681.757.201	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.681.757.201	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.458.011.057	4.988.447.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.269.574.770	1.381.390.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	750.640.000	1.135.539.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	872.451.329	2.906.173.431
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(434.655.042)	(434.655.042)
IV. Hàng tồn kho	140	10	5.566.564.895	4.275.039.089
1. Hàng tồn kho	141		6.379.845.565	5.088.319.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(813.280.670)	(813.280.670)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		240.740.665	10.843.795
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		121.448.984	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	119.291.681	10.843.795
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.669.420.344	97.667.003.927
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		79.771.458	702.848.458
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	361.490.656	511.490.656
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	549.348.458	549.348.458
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(831.067.656)	(357.990.656)
II. Tài sản cố định	220		89.969.226.208	88.473.649.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	89.735.379.272	88.446.149.042
- Nguyên giá	222		179.195.227.226	166.793.751.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.459.847.954)	(78.347.602.781)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	233.846.936	27.499.996
- Nguyên giá	228		383.038.000	125.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.191.064)	(97.500.004)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.104.189.805	3.406.969.916
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.104.189.805	3.406.969.916
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.516.232.873	5.083.536.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	6.516.232.873	5.083.536.515
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		130.733.338.322	128.877.236.162

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.409.968.693	16.469.659.008
I. Nợ ngắn hạn	310		9.793.950.671	15.852.340.211
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	476.148.086	138.577.918
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.032.745.804	852.376.512
3. Phải trả người lao động	314		4.238.156.854	3.121.633.773
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.441.855.805	8.773.117.291
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	1.370.000.000	1.973.219.908
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		235.044.122	993.414.809
II. Nợ dài hạn	330		616.018.022	617.318.797
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		50.000.000	50.000.000
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		38.008.129	38.008.129
3. Phải trả dài hạn khác	337	17	528.009.893	529.310.668
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		120.323.369.629	112.407.577.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	120.323.369.629	112.407.577.154
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.688.000.000	111.688.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.688.000.000	111.688.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		719.577.154	719.577.154
3. LNST chưa phân phối	421		7.915.792.475	-
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		66.405.693	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.849.386.782	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.733.338.322	128.877.236.162
(440 = 300 + 400)				



Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc
Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	57.848.507.286	53.614.349.235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	49.049.158	30.386.581
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	57.799.458.128	53.583.962.654
4. Giá vốn hàng bán	11	22	32.763.439.359	30.645.766.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.036.018.769	22.938.196.020
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	850.439.750	638.932.113
7. Chi phí bán hàng	25	25	6.054.058.895	5.382.359.141
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.778.600.999	10.480.790.312
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		8.053.798.625	7.713.978.680
10. Thu nhập khác	31	26	4.270.788.767	131.540.300
11. Chi phí khác	32	27	1.341.962.773	250.325.743
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.928.825.994	(118.785.443)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.982.624.619	7.595.193.237
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.233.237.837	1.543.781.026
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.749.386.782	6.051.412.211
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	703	341



Võ Minh Trang
 Tổng Giám đốc
 Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Lan Hương
 Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	66.215.426.759	61.158.368.136
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(29.538.359.645)	(22.237.312.546)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.113.054.432)	(12.539.644.961)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.996.151.246)	(1.391.577.471)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.830.017.559	3.423.822.170
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.875.656.301)	(14.754.896.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.522.222.694	13.658.758.684
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.651.397.754)	(5.540.934.913)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.681.757.201)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	850.439.750	638.932.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.482.715.205)	(4.902.002.800)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.858.564.710)	(3.837.085.976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.858.564.710)	(3.837.085.976)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(2.819.057.221)	4.919.669.908
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.935.901.381	17.016.231.473
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	19.116.844.160	21.935.901.381



Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc
Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1900605680 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 111.688.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2019 là 93 người (tại ngày 01/01/2019 là 90 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
 - Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:
 - Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
 - Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp – thoát nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và khi bãi.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí lắp đặt: Chi phí lắp đặt phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-35
Máy móc, thiết bị	05-17
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-27
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	04-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	257.835.912	782.187.922
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.860.856.072	3.323.590.140
Các khoản tương đương tiền	14.998.152.176	17.830.123.319
Cộng	<u>19.116.844.160</u>	<u>21.935.901.381</u>

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	1.206.184.100	1.261.088.081
Khách hàng khác	63.390.670	120.302.500
Cộng	<u>1.269.574.770</u>	<u>1.381.390.581</u>

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	<u>750.640.000</u>	<u>1.135.539.000</u>
Công ty TNHH MTV Xây lắp 94	180.000.000	258.000.000
Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Bạc Liêu	-	575.400.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Huỳnh Gia	130.550.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Địa lý EK	273.090.000	-
Công ty TNHH Tài Lộc Bạc Liêu	111.000.000	206.700.000
Trả trước khác	56.000.000	95.439.000
b) Dài hạn	<u>361.490.656</u>	<u>511.490.656</u>
Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	135.169.858
Nguyễn Hữu Tiến	222.820.798	222.820.798
Viện Địa chất và Môi trường	-	150.000.000
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.Hồ Chí Minh	3.500.000	3.500.000
Cộng	<u>1.112.130.656</u>	<u>1.647.029.656</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	872.451.329	-	2.906.173.431	-
Phải thu tiền cổ phần hóa	205.351.000	-	173.400.000	-
Tạm ứng	132.200.000	-	267.856.999	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	520.551.715	-	527.560.668	-
Tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	-	1.876.358.400	-
Phải thu khác	14.348.614	-	60.997.364	-
Dài hạn	549.348.458	473.077.000	549.348.458	-
Chi phí đi dời HTCN đường	66.271.458	-	66.271.458	-
Cách Mạng	-	-	-	-
Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	473.077.000	473.077.000	473.077.000	-
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	1.421.799.787	-	3.455.521.889	-

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	434.655.042	-	434.655.042	-
- Phải thu tiền nước quá hạn - quá hạn trên 3 năm	434.655.042	-	434.655.042	-
Nợ phải thu dài hạn quá hạn thanh toán	831.067.656	-	357.990.656	-
- Nguyễn Hữu Tuấn - quá hạn trên 3 năm	135.169.858	-	135.169.858	-
- Nguyễn Hữu Tiến - quá hạn trên 3 năm	222.820.798	-	222.820.798	-
- Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát - quá hạn trên 3 năm	473.077.000	-	-	-
Cộng	1.265.722.698	-	657.475.840	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.286.742.736	(813.280.670)	4.887.076.017	(813.280.670)
Công cụ, dụng cụ	1.019.294.823	-	194.588.323	-
Thành phẩm	73.808.006	-	6.655.419	-
Cộng	6.379.845.565	(813.280.670)	5.088.319.759	(813.280.670)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trong năm là 0 VND (năm trước là 813.280.679 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a) Phải thu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	10.843.795	216.237.741	324.685.627	119.291.681
Cộng	10.843.795	216.237.741	324.685.627	119.291.681

b) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	82.818.676	220.440.492	303.259.168	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	252.319.559	2.233.237.837	1.996.151.246	489.406.150
Thuế tài nguyên	131.950.600	1.587.282.600	1.579.324.000	139.909.200
Tiền thuê đất	-	14.334.600	14.334.600	-
Các loại thuế khác	385.287.677	5.387.105.749	5.368.962.972	403.430.454
Cộng	852.376.512	9.442.401.278	9.262.031.986	1.032.745.804

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	43.605.205.351	35.245.945.896	87.045.041.013	897.559.563	166.793.751.823
- Tăng do mua mới	-	-	-	214.800.000	214.800.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.070.436.291	2.251.630.852	7.631.133.359	-	11.953.200.502
- Tăng khác	-	678.859.090	-	-	678.859.090
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.073.710)	(26.310.479)	-	(445.384.189)
Số cuối năm	45.675.641.642	37.757.362.128	94.649.863.893	1.112.359.563	179.195.227.226
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	15.388.451.470	22.335.340.214	40.169.087.557	454.723.540	78.347.602.781
- Khấu hao trong năm	2.950.295.646	3.272.965.019	5.056.687.205	132.807.284	11.412.755.154
- Thanh lý, nhượng bán	-	(280.517.476)	(19.992.505)	-	(300.509.981)
- Phân loại lại	93.111.550	460.866.934	(553.978.484)	-	-
Số cuối năm	18.431.858.666	25.788.654.691	44.651.803.773	587.530.824	89.459.847.954
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	28.216.753.881	12.910.605.682	46.875.953.456	442.836.023	88.446.149.042
Số cuối năm	27.243.782.976	11.968.707.437	49.998.060.120	524.828.739	89.735.379.272

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.813.865.949 VND (ngày 31/12/2018 là 8.829.385.200 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	125.000.000
- Tăng do mua mới	258.038.000
Số cuối năm	383.038.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	97.500.004
- Khấu hao trong năm	51.691.060
Số cuối năm	149.191.064
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số đầu năm	27.499.996
Số cuối năm	233.846.936

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cải tạo Hệ thống cấp nước tại 02Đ, 9H, nội ô thành phố Bạc Liêu	-	618.913.359
Cải tạo và lắp đặt các tuyến ống cấp nước 6Đ, 10H nội ô thành phố Bạc Liêu	-	421.396.434
Lắp đặt tuyến ống truyền tải UPVC D315mm Đường Cao Văn Lầu (đoạn Nguyễn Tri Phương - Ninh Bình)	1.177.405.868	-
Di dời tuyến ống PVC168&HDPE63 đường Cao Văn Lầu (đoạn Ninh Bình - cầu Trường Sơn)	394.065.362	-
Di dời hệ thống cấp nước đường Cao Văn Lầu đoạn Ninh Bình đến cầu Trường Sơn (Giai đoạn 2)	839.932.796	-
Lắp đặt đường ống kỹ thuật giếng khoan khai thác CS 125m ³ /h trạm số 4, Lê Lợi, Phường 01, Tp. Bạc Liêu	362.809.915	-
Công trình khác	329.975.864	2.366.660.123
Cộng	3.104.189.805	3.406.969.916

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

Số đầu năm	3.406.969.916	3.773.646.922
Tăng trong năm	12.925.993.270	9.952.543.523
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(11.953.200.502)	(10.319.220.529)
Kết chuyển vào chi phí	(1.275.572.879)	-
Số cuối năm	3.104.189.805	3.406.969.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lắp đặt	2.261.582.723	2.053.019.236
Chi phí đi dời đồng hồ	2.856.828.066	2.320.732.351
Chi phí khác cần phân bổ	1.397.822.084	709.784.928
Cộng	6.516.232.873	5.083.536.515

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Bạc Liêu	322.296.128	322.296.128	-	-
Công ty TNHH TMDV SX Phát triển Thuận Thảo	-	-	85.034.400	85.034.400
Phải trả người bán khác	153.851.958	153.851.958	53.543.518	53.543.518
Cộng	476.148.086	476.148.086	138.577.918	138.577.918

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.441.855.805	8.773.117.291
Bảo hiểm xã hội	3.408.321	3.408.321
Thuế thu nhập cá nhân	135.480.599	78.972.397
Bồi thường kinh phí đi dời	1.322.049.619	4.294.385.246
Phí bảo vệ môi trường	165.976.659	36.191.877
Cổ tức còn phải trả cổ đông	15.192.830	3.817.784.173
Các khoản phải trả, phải nộp khác	799.747.777	542.375.277
b) Dài hạn	528.009.893	529.310.668
Nhận thế chấp sử dụng nước	525.551.715	527.560.668
Nhận thế chấp vỏ bình	2.458.178	1.750.000
Cộng	2.969.865.698	9.302.427.959

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là khoản dự phòng quỹ tiền lương cho năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	111.688.000.000	719.577.154	-	112.407.577.154
Lãi trong năm	-	-	6.051.412.211	6.051.412.211
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(2.117.994.274)	(2.117.994.274)
Trích cổ tức trong năm	-	-	(3.812.389.693)	(3.812.389.693)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành trong năm	-	-	(121.028.244)	(121.028.244)
Số dư đầu năm nay	111.688.000.000	719.577.154	-	112.407.577.154
Lãi trong năm	-	-	8.749.386.782	8.749.386.782
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
Tăng khác trong năm	-	-	66.405.693	66.405.693
Số dư cuối năm nay	111.688.000.000	719.577.154	7.915.792.475	120.323.369.629

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu		Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.168.800		11.168.800	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.168.800		11.168.800	
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800		11.168.800	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-		-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.168.800		11.168.800	
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800		11.168.800	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000		10.000	

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	-	-	110.176.000.000	98,65%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH	110.176.000.000	98,65%	-	-
Cổ đông khác	1.512.000.000	1,35%	1.512.000.000	1,35%
Cộng	111.688.000.000	100%	111.688.000.000	100,00%

Kể từ ngày 18/7/2019 toàn bộ phần vốn nhà nước tại Công ty được Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH quản lý thay thế cho Ủy Ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

21. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.848.507.286	53.614.349.235
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp nước	54.806.225.251	51.333.360.349
- Doanh thu lắp đặt đường ống	1.767.964.481	1.411.925.177
- Doanh thu nước đóng chai	936.302.724	453.650.727
- Doanh thu khác	338.014.830	415.412.982
	57.848.507.286	53.614.349.235
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	49.049.158	30.386.581
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.799.458.128	53.583.962.654

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	30.479.912.499	27.851.021.044
Giá vốn lắp đặt đường ống	1.337.501.737	1.149.286.913
Giá vốn nước đóng chai	741.101.494	550.458.785
Giá vốn khác	204.923.629	281.719.222
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	813.280.670
Cộng	32.763.439.359	30.645.766.634

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.111.788.026	9.828.899.707
Chi phí nhân công	16.805.909.654	17.250.365.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.464.446.214	9.345.987.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.450.680.998	1.179.378.206
Chi phí khác bằng tiền	9.801.221.355	7.854.108.615
Cộng	50.634.046.247	45.458.739.807

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	5.092.212.336	5.065.741.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.371.795	74.590.093
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.303.684	140.130.564
Thuế, phí, lệ phí	2.064.732.200	1.576.414.150
Chi phí dự phòng	473.077.000	792.645.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.639.524	144.272.268
Các khoản chi phí QLDN khác	3.639.264.460	2.686.996.318
Cộng	<u>11.778.600.999</u>	<u>10.480.790.312</u>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.596.641.270	3.063.932.469
Chi phí vật liệu bao bì	6.379.163	36.187.504
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	123.922.416	89.787.882
Chi phí khấu hao TSCĐ	423.538.661	402.265.337
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.903.577.385	1.790.185.949
Cộng	<u>6.054.058.895</u>	<u>5.382.359.141</u>

26. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền hỗ trợ chi phí di dời hệ thống cấp nước	4.270.716.376	115.344.105
Các khoản khác.	72.391	16.196.195
Cộng	<u>4.270.788.767</u>	<u>131.540.300</u>

27. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	1.157.088.565	77.623.944
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	144.874.208	28.537.675
Các khoản khác.	40.000.000	144.164.124
Cộng	<u>1.341.962.773</u>	<u>250.325.743</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	2.233.237.837	1.543.781.026
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	2.233.237.837	1.543.781.026

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.982.624.619	7.595.193.237
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Cộng: Các khoản chi không được trừ	183.564.564	123.711.891
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.166.189.183	7.718.905.128
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 20%	11.166.189.183	7.718.905.128
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.233.237.837	1.543.781.026

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	8.749.386.782	6.051.412.211
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành đã trích	900.000.000	2.239.022.518
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.849.386.782	3.812.389.693
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.168.800	11.168.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	703	341
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính dựa trên cơ sở tạm trích do tỷ lệ phân phối các quỹ chưa được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	19.116.844.160	21.935.901.381
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>120.323.369.629</u>	<u>112.407.577.154</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.116.844.160	21.935.901.381	19.116.844.160	21.935.901.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.120.890.800	3.596.839.761	1.120.890.800	3.596.839.761
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.681.757.201	-	3.681.757.201	-
Tổng cộng	<u>23.919.492.161</u>	<u>25.532.741.142</u>	<u>23.919.492.161</u>	<u>25.532.741.142</u>
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	3.446.013.784	9.441.005.877	3.446.013.784	9.441.005.877
Chi phí phải trả	38.008.129	38.008.129	38.008.129	38.008.129
Tổng cộng	<u>3.484.021.913</u>	<u>9.479.014.006</u>	<u>3.484.021.913</u>	<u>9.479.014.006</u>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.116.844.160	-	19.116.844.160
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.054.619.342	66.271.458	1.120.890.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.681.757.201	-	3.681.757.201
Tổng cộng	23.853.220.703	66.271.458	23.919.492.161
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.918.003.891	528.009.893	3.446.013.784
Chi phí phải trả	-	38.008.129	38.008.129
Tổng cộng	2.918.003.891	566.018.022	3.484.021.913
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.935.216.812	(499.746.564)	20.435.470.248
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.935.901.381	-	21.935.901.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.057.491.303	539.348.458	3.596.839.761
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Tổng cộng	24.993.392.684	539.348.458	25.532.741.142
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.911.695.209	529.310.668	9.441.005.877
Chi phí phải trả	-	38.008.129	38.008.129
Tổng cộng	8.911.695.209	567.318.797	9.479.014.006
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.081.697.475	(27.970.339)	16.053.727.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn	Cổ đông lớn
Nhà nước - Công ty TNHH	
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	

Ngoài số dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 và 16, trong năm Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

- Chi cổ tức cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu với số tiền là 1.421.270.400 VND (năm trước là 1.850.956.800 VND).
- Chi cổ tức cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước với số tiền là 418.668.800 VND (năm trước là 0 VND).

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.058.973.254	1.022.110.163
Thù lao Hội đồng quản trị	242.069.237	432.230.878



Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc
Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Liên Ngọc Trân
Người lập biểu

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 19/9/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán;

Căn cứ kết quả kiểm soát tình hình hoạt động năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Ban Kiểm soát thống nhất thông qua báo cáo hoạt động trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động từ Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đến Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 gồm có 3 thành viên:

- Bà Quách Thụy Phương Thảo, Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách);
- Bà Lý Hồng Yến, Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm);
- Ông Phan Chí Quang, Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm).

II. Hoạt động và kết quả giám sát của Ban Kiểm soát năm 2019:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019:

Giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc Công ty;

Giám sát về chính sách người lao động; tổ chức, bộ máy hoạt động của Công ty;

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Giám sát về lập Báo cáo tài chính năm 2019;

Để thực hiện được kết quả giám sát nêu trên, thì ngay sau khi đi vào hoạt động, Ban Kiểm soát đã tiến hành xây dựng và thực hiện đảm bảo theo quy chế hoạt động đối với năm 2019, Ban Kiểm soát phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên như sau:

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát xây dựng chương trình và kế hoạch giám sát cụ thể của quý. Đồng thời, trên cơ sở phát sinh các nội dung, thư mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Kiểm soát bàn bạc, trao đổi để đưa ra ý kiến thống nhất cho Đại diện Ban kiểm soát tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Trong năm 2019 đã lập 01 báo cáo liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu trong năm 2018; tổ chức 04 cuộc họp (đính kèm Phụ lục 01).

Về trình tự, thủ tục, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát, cơ bản đảm bảo theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, hiện tại chỉ có Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Do đó, ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, để đạt được hiệu quả, chất lượng và hoàn thành nhiệm vụ, Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và công việc qua các phương tiện khác như: Mail, điện thoại nhằm đảm bảo hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện kịp thời về thời gian theo yêu cầu của Công ty.

Tóm lại, trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tổ chức hoạt động về cơ bản đảm bảo đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả hoạt động kiểm soát nêu trên, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.

2. Kết quả giám sát năm 2019 trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

Trên cơ sở các lĩnh vực mà Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát ở Công ty năm 2019 như nêu trên, thì kết quả như sau:

2.1. Kết quả giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc:

Kiểm soát đánh giá công tác hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2019, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm 2019, qua quá trình thực hiện giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Cụ thể như sau:

a) Đối với Hội đồng quản trị: Thực hiện đúng Điều lệ của công ty; tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Trong các kỳ họp Hội đồng quản trị, các thành viên tham dự đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm để đưa ra các quyết định kịp thời nhằm định hướng, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng tháng và có yêu cầu đột xuất, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức cuộc họp gấp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc do Tổng Giám đốc đề xuất.

b) Đối với Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc có những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ động đề nghị Hội đồng quản trị tiến hành các cuộc họp đột xuất để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

2.2. Về chính sách người lao động; tổ chức, bộ máy hoạt động của Công ty

Công tác tổ chức: Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự phù hợp với tình hình mới.

Tiền lương và chế độ đối với người lao động: Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động: ký hợp đồng lao động; đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định; thực hiện cấp phát bảo hộ lao động, bồi dưỡng ca 3, độc hại đầy đủ, đúng đối tượng; duy trì chế độ ăn giữa ca; thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...

2.3. Tình hình thực hiện Nghị quyết và một số chỉ tiêu được cổ đông biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán. Theo đó, qua đối chiếu số liệu thực tế với các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019, cho thấy:

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tại Đại hội	Kết quả thực hiện	So sánh
I. Chỉ tiêu sản xuất				
1. Sản lượng nước khai thác	m ³	8.047.214	7.936.413	98,62%
2. Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.166.712	7.268.097	101,41%
II. Chỉ tiêu kinh doanh				
1. Tổng doanh thu	Đồng	56.418.030.000	62.920.686.645	111,53%
2. Tổng chi phí	Đồng	48.193.290.000	51.938.062.026	107,77%
3. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	8.224.740.000	10.982.624.619	133,53%
4. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.579.790.000	8.749.386.782	132,97%

Với số liệu thực tế nêu trên, qua kiểm soát, Ban Kiểm soát đánh giá như sau:

a) Về chỉ tiêu sản xuất

Qua các năm Công ty đã có rất nhiều nỗ lực triển khai các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước, bước đầu đã thu được kết quả đáng khích lệ cụ thể như: năm 2018 là 10,34%; năm 2019 là 9,53%.

Trong thời gian gần đây mặt hàng nước uống đóng chai bị ảnh hưởng bởi chủ trương hạn chế dùng chai nhựa nên doanh thu mặc dù được cải thiện đáng kể nhưng vẫn chưa đạt theo kế hoạch đề ra (*kế hoạch: 1.000 triệu đồng; thực hiện: 936 triệu đồng*).

b) Về chỉ tiêu kinh doanh

Qua kiểm soát, thống nhất với báo cáo của Hội đồng quản trị, theo đó, các chỉ tiêu thực hiện đều đạt và vượt so với kế hoạch; tỷ lệ thất thoát nước sạch thực tế thấp hơn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra. Cụ thể, doanh thu thực hiện trong năm 2019 vượt kế hoạch 11,53%.

c) Về chỉ tiêu chia cổ tức

Đây là chỉ tiêu rất quan trọng đối với loại hình công ty cổ phần và rất được cổ đông quan tâm. Theo đó, với sự nỗ lực của tập thể Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như kết quả nêu trên, nên dẫn đến chỉ tiêu chia cổ tức năm 2019 cao hơn so với kế hoạch và năm 2018.

Với kết quả nêu trên, cho thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra.

2.4. Về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019

a) Thẩm định công tác lập Báo cáo tài chính

Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán VACO (là một trong những đơn vị đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu biểu quyết thông qua); Sổ cái và sổ chi tiết doanh thu; biên bản kiểm quỹ tiền mặt; biên bản kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ; biên bản đối chiếu công nợ; các văn bản, chứng từ có liên quan khác,...

Trên cơ sở các tài liệu nêu trên, sau khi xem xét kiểm tra, Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, như sau:

- Các chứng từ kế toán được sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.
- Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Các số liệu báo cáo tài chính năm 2019 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2019, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Do đó, thống nhất thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

b) Về tình hình quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính đã được Công ty thực hiện theo quy định hiện hành và Quy chế tài chính của Công ty; việc quản lý tài sản, tiền vốn; thu chi được thực hiện phù hợp theo thực tế phát sinh tại Công ty. Theo đó:

Đến 31/12/2019 tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; nợ phải thu khách hàng phát sinh mới trong thời gian hoạt động theo loại hình công ty cổ phần về cơ bản đảm bảo có khả năng thu được; Công ty bảo toàn vốn; tính tự chủ tài chính ở mức cao; và phần lớn các chỉ tiêu tài sản, nguồn vốn; tài chính năm 2019 đều tăng hơn so với năm 2018, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện		So sánh (%)
			2018	2019	
1	Tổng tài sản, trong đó:	Triệu đồng	128.877	130.733	101,44
	+ Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	31.210	31.064	99,53
	+ Tài sản dài hạn	Triệu đồng	97.667	99.669	102,05
2	Nguồn vốn	Triệu đồng	128.877	130.733	101,44
	+ Nợ phải trả	Triệu đồng	16.470	10.410	63,21
	+ Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	112.407	120.323	107,04
3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	111.688	111.688	100,00
4	Các chỉ tiêu tài chính:				
	Tài sản dài hạn trên tổng tài sản	%	75,78	76,24	100,61
	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	12,78	7,96	62,28
	Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	87,22	92,04	105,53
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,97	3,17	160,91
	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	4,70	6,69	142,34
	Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,38	7,27	135,13

3. Đánh giá phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2019, công tác phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty khá chặt chẽ, đáp ứng, cung cấp kịp thời các số liệu, hồ sơ chứng từ có liên quan phục vụ nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Đồng thời, Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của công ty để đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc và Ban điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó, Ban Kiểm soát có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT và Ban điều hành, với tư cách là giám sát viên và đại diện cổ đông.

Sự phối hợp này, được thực hiện phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đối với cổ đông, trong năm 2019, Ban Kiểm soát chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

III. Chương trình hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát:

1. Nội dung:

Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát tập trung vào những nội dung chính sau đây:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm.
- Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;
- Kiểm soát các vấn đề về quản lý thu, chi và các hoạt động thường xuyên của Công ty.
- Giám sát các hoạt động, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.
- Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra, kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Căn cứ vào sự phân công trong Ban kiểm soát và nội dung chương trình nêu trên, từng thành viên Ban kiểm soát chủ động xây dựng nội dung làm việc và thời gian cụ thể trước khi thực hiện.

Trên đây là những nội dung báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGD
- Lưu VT.

**TM/ BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Quách Thụy Phương Thảo

Phụ lục 01
CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
Ngày 22/01/2019	3/3 thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; - Phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện của Người lao động; tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2018; - Phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng kế hoạch của Người lao động; tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của Người quản lý và thù lao thư ký HĐQT công ty năm 2019; - Trình Dự thảo quy chế nội bộ quản trị Công ty;
Ngày 22/4/2019	3/3 thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I và Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2019; - Báo cáo tiến độ chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần cấp nước Bạc Liêu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).
Ngày 01/8/2019	3/3 thành viên BKS	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2019; - Báo cáo tiến độ chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần cấp nước Bạc Liêu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Ngày 05/11/2019	3/3 thành viên BKS	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2019 và năm 2020; - Xin ý kiến về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.
--------------------	--------------------	--

Số: 02/TTr-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
Phương án phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/9/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung sau:

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế		10.982.624.619
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.233.237.837
3	Lợi nhuận sau thuế		8.749.386.782
4	Lợi nhuận để lại năm trước chuyển sang		66.405.693
5	Lợi nhuận được phân phối (5) = (3) + (4)		8.815.792.475
5.1	Chia cổ tức (tỷ lệ 5,5% VDL, tương đương 550 đồng/ cổ phần)	70%	6.142.840.000
5.2	Quỹ đầu tư phát triển	10%	874.938.000
5.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Trong đó: Quỹ thưởng BĐH 200.000.000 đồng)	20%	1.740.000.000
5.4	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau		58.014.475

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019
và kế hoạch năm 2020 của người quản lý và thư ký

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội cổ đông Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/9/2019 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HDQT ngày 05/03/2020 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, người quản lý năm 2019;

Căn cứ Công văn số 792/ĐTKDV-CNPN ngày 15/04/2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc đề nghị tham gia ý kiến họp Hội đồng quản trị,

Để đảm bảo trách nhiệm gắn với quyền lợi của người quản lý điều hành, giám sát trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của người quản lý và thư ký như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý và thư ký năm 2019

1.1. Tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách:

Tiền lương thực hiện năm 2019 của người quản lý chuyên trách bằng tiền lương kế hoạch năm 2019 tăng thêm 20% theo lợi nhuận kế hoạch tăng. Quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương kế hoạch tháng (NQ 01- ĐHCĐ 2019)	Tiền lương tăng thêm theo lợi nhuận tăng (20%)	Số tháng làm việc	Tiền lương thực hiện (năm)
1	Võ Minh Trang	Tổng Giám đốc	36.000.000	43.200.000	12	518.400.000
2	Lê Thanh Bảo	P. T Giám đốc	33.390.720	40.068.864	12	480.826.368
3	Quách Thụy Phương Thảo	Trưởng BKS	33.390.720	40.068.864	12	480.826.368
4	Nguyễn Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	33.390.720	40.068.864	12	480.826.368
Tổng cộng:						1.960.879.104

1.2. Thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách:

Thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách bằng 20% tổng quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách, thực hiện tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao bình quân tháng	Số tháng làm việc	Thù lao thực hiện năm
1	Trần Văn Sỹ	Chủ tịch HĐQT	10,027,223	08	80,217,781
2	Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT	10,027,223	04	40,108,891
3	Võ Minh Trang	Thành viên HĐQT	7,798,951	12	93,587,412
4	Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	7,798,951	04	31,195,804
5	Phan Chí Quang	Kiểm soát viên	6,127,747	12	73,532,966
6	Lý Hồng Yến	Kiểm soát viên	6,127,747	12	73,532,966
Tổng cộng:					392,175,820

1.3. Thù lao thư ký: 36.000.000 đồng/người/năm.

2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý và thư ký năm 2020

2.1. Tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách:

Tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách thực hiện theo quy định tại Điều 13,14 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

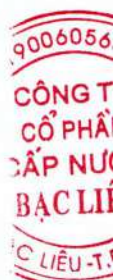
Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương bình quân tháng	Số tháng làm việc	Tiền lương kế hoạch năm
1	Võ Minh Trang	Tổng Giám đốc	36.000.000	12	432.000.000
2	Lê Thanh Bào	P.Tổng Giám đốc	33.390.720	12	400.688.640
3	Quách Thụy Phương Thảo	Trưởng BKS	33.390.720	12	400.688.640
4	Nguyễn Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	33.390.720	12	400.688.640
Tổng cộng:					1.634.065.920

2.2. Thù lao kế hoạch của Người quản lý không chuyên trách:

Thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách bằng 20% tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách, thực hiện tại Khoản 1 Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh Xã hội:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao bình quân tháng	Số tháng làm việc	Thù lao kế hoạch năm
1	Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch HĐQT	7.230.000	12	86.760.000
2	Võ Minh Trang	Thành viên HĐQT	5.500.000	12	66.000.000
3	Lê Văn Huy	Thành viên HĐQT	5.500.000	12	66.000.000
4	Phan Chí Quang	Kiểm soát viên	4,500,000	12	54.000.000
5	Lý Hồng Yến	Kiểm soát viên	4,500,000	12	54.000.000
Tổng cộng:					326.760.000

2.3. Thù lao thư ký: 36.000.000 đồng/người/năm.



3. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020

Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 của người quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quốc Hồ Đình Tuấn



TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 19/9/2019,

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, cụ thể các nội dung như sau:

1. Loại Báo cáo tài chính cần kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2020.

2. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán Báo cáo tài chính.

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu yêu cầu.

3. Đề xuất:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 được thuận lợi, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán thỏa mãn các tiêu chí và thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chọn 01 đơn vị kiểm toán phù hợp trong các danh sách đơn vị, như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC);

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C).

Trường hợp cả 04 đơn vị dự định lựa chọn này không đủ điều kiện theo Công bố của Bộ Tài chính đến thời điểm kiểm toán thì Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn để Hội đồng quản trị quyết định chọn đơn vị khác đủ điều kiện thay thế mà không phải xin ý kiến của cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Quách Chuy Phương Chảo

Số: 04/TTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
Về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu nhiệm kỳ 2015-2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Công văn số 792/ĐTKDV-CNPN ngày 15/4/2020 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc đề nghị tham gia ý kiến họp HĐQT;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã bổ nhiệm 03 thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2015-2020 và là Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty gồm:

- Ông Quốc Hồ Đình Tuấn
- Ông Võ Minh Trang
- Ông Lê Văn Huy
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Hội đồng quản trị;

Do Ông Quốc Hồ Đình Tuấn – Chủ tịch HĐQT đã đến thời gian nghỉ hưu nên đã có Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT tại Công ty. Vì vậy, để đảm bảo có đủ số lượng 03 thành viên tham gia HĐQT cần bổ sung thêm 01 thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty.

Thực hiện Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu và quy định pháp luật có liên quan, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 theo đề cử của cổ đông SCIC như sau:

STT	Miễn nhiệm	Bổ nhiệm
1	Ông Quốc Hồ Đình Tuấn – Chủ tịch HĐQT	Ông Đặng Minh Thừa

Sơ yếu lý lịch của Ông Đặng Minh Thừa được đính kèm tại Tờ trình này.
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Quốc Hồ Đình Tuấn

SƠ YẾU LÝ LỊCH



- 1) Họ và tên khai sinh: ĐẶNG MINH THỪA
- 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày: 12 tháng 12 năm 1977 , Giới tính: Nam
Số CMND: 024867728 Ngày cấp: 12/6/2013 Nơi cấp: CA, Tp. HCM
- 4) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 73/3 Đường số 7, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
- 5) Nơi ở hiện nay: 73/3 Đường số 7, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
- 6) Đơn vị công tác: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Chi nhánh phía Nam
- 7) Chức vụ (chức danh) hiện tại: Phó giám đốc, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Chi nhánh phía Nam.
- 8) Trình độ
 - 8.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào): 12/12
 - 8.2- Trình độ chuyên môn cao nhất: Thạc sĩ
(TSKH, TS, ThS, cử nhân, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
 - 8.3- Lý luận chính trị:
(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương)
 - 8.4- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
 - 8.5- Tin học: Mos Word, Excell, Powerpoint

9) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ...
Tháng 3/2020-nay	Phó giám đốc, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh phía Nam
Tháng 5/2018-nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty CP Chăn Nuôi Tiền Giang
Tháng 9/2016-nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty CP Xây hạ tầng KCN Cần Thơ
Tháng 12/2016-nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
Tháng 5/2015-9/2016	Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty CP Mía Đường Cần Thơ
Tháng 9/2015 – Nay	Trưởng Phòng TC- KT (CV Cấp 4), Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh phía Nam
Tháng 04/2014 – 9/2015	Phó trưởng Phòng TH, Phó Phòng TC-KT, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh phía Nam

Tháng 9/2011– 04/2015	Trưởng Ban kiểm soát, Công ty CP In Nông nghiệp, Tp. HCM
Tháng 12/2012– 04/2015	Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty CP Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh
Tháng 05/2013 – 6/2014	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty CP Phương Hải tại Ninh Thuận
Tháng 03/2013 – 04/2014	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Đầu tư và kinh doanh khoáng sản Vinaconex (SCIC biệt phái)
Tháng 4/2008 – 03/2013	CV Kế toán, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh phía Nam
Năm 2005 – 2008	Kế toán trưởng, Công ty TNHH MA Builder International (VN) Tp. HCM
Năm 2003 – 2005	Nhân viên, Công ty TNHH NITTO DENKO (VN) tỉnh Bình Dương
Năm 2001 – 2003	Nhân viên, Công ty TNHH H&L (VN) tỉnh Bình Dương

10) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: **Bố, Mẹ, Vợ** (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ...
Cha	Đặng Xuân Ba	1933	Đã mất năm 2009
Mẹ	Ngô Thị Kim	1936	Quảng Ngãi, Nội trợ, 73/3 Đường số 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Vợ	Lý Thị Thanh Vân	1978	Tp. HCM, Kế toán – tài chính, Cty CP Masan Consumer, 73/3 Đường số 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Con	Đặng Gia Khang	2011	Còn nhỏ, 73/3 Đường số 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Con	Đặng Gia An	2014	Còn nhỏ, 73/3 Đường số 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Chị	Đặng Thị Ngừ	1958	Quảng Ngãi, Nội trợ, Thôn 4, Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Ngãi
Chị	Đặng Thị Hồng Vương	1963	Quảng Ngãi, Nội trợ, Đức Chánh, Mộ Đức, Quảng Ngãi
Chị	Đặng Thị Thanh Tú	1969	Quảng Ngãi, Kế toán, Thị trấn Dĩ An, Huyện Dĩ An, Bình Dương

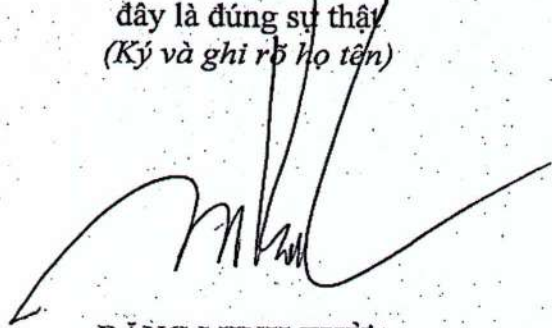
Chị	Đặng Thị Thanh Truyền	1972	Quảng Ngãi, Nội trợ, Đức Hòa, Mộ Đức, Quảng Ngãi
Anh	Đặng Minh Thông	1974	Quảng Ngãi, CNV, Đức Hòa, Mộ Đức, Quảng Ngãi

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quốc quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ...
Cha	Lý Thanh Tùng	1938	Tp. HCM, Nghi hưu, 73/1 Đường 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Mẹ	Trần Thị Huyền	1941	Tp. HCM, Nội trợ, 73/1 Đường 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Anh	Lý Thanh Bình	1973	Tp. HCM, CNV, 71 Đường 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Anh	Lý Thanh Sơn	1974	Tp. HCM, CNV, 73 Đường 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Chị	Lý Thị Thanh Hà	1976	Tp. HCM, Nội trợ, 73/1 Đường 7, P.3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên
đây là đúng sự thật
(Ký và ghi rõ họ tên)

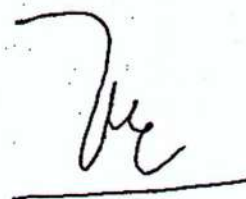


ĐẶNG MINH THỪA

Tp. HCM ngày 27 tháng 03 năm 2020.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Ký tên, đóng dấu)



LÊ ĐÌNH BỬU TRÍ

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung ngày 19/9/2019;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (*Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 20/03/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu*).

2. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (*Báo cáo số 22A/BC-CTY ngày 19/03/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu*).

STT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
I	Chỉ tiêu sản xuất			
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	7.936.413	8.200.000
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.268.097	7.400.000
II	Chỉ tiêu kinh doanh			
1	Tổng doanh thu	Đồng	62.920.686.645	58.900.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	10.982.624.619	9.312.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	8.749.386.782	7.449.600.000
4	Giá trị đầu tư cải tạo, sửa chữa	Đồng		37.986.000.000
5	Cổ tức dự kiến			5% VDL trở lên

3. Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 (Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 20/03/2020 của Hội đồng quản trị).

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Báo cáo tài chính
1	Tổng tài sản	Đồng	130.733.338.322
	- Tài sản ngắn hạn	Đồng	31.063.917.978
	- Tài sản dài hạn	Đồng	99.669.420.344
2	Tổng nguồn vốn	Đồng	130.733.338.322
	- Nợ phải trả	Đồng	10.409.968.693
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	120.323.369.629
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	111.688.000.000
4	Tổng doanh thu	Đồng	62.920.686.645
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	10.982.624.619
6	Thuế TNDN	Đồng	2.233.237.837
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	8.749.386.782
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	703

4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch công tác kiểm soát năm 2020 (Báo cáo số 04/BC-BKS ngày 10/02/2020 của Ban Kiểm soát).

5. Thông qua tờ trình Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 (Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 20/03/2020) cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Chia cổ tức	Đồng	70	6.142.840.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	10	874.938.000
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (trong đó: Quỹ thưởng BDH 200.000.000 đồng)	Đồng	20	1.740.000.000
4	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	Đồng		58.014.475

6. Thông qua tờ trình tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của người quản lý và thư ký (Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 20/03/2020) cụ thể như sau:

Chi tiết	Quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2019	Quỹ lương, thù lao kế hoạch năm 2020
A. Người quản lý chuyên trách là người đại diện vốn nhà nước		
Quỹ lương (đồng)	518.4000.000	432.000.000
Số lượng người quản lý (người)	01	01
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	43.200.000	36.000.000

Chi tiết	Quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2019	Quỹ lương, thù lao kế hoạch năm 2020
B. Người quản lý chuyên trách không là người đại diện vốn nhà nước		
Quỹ lương (đồng)	1.442.479.104	1.202.065.920
Số lượng người quản lý (người)	03	03
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	40.068.864	33.390.720
C. Quỹ thù lao người quản lý không chuyên trách (đồng)	392.175.820	326.760.000
D. Thù lao Thư ký (đồng)	36.000.000	36.000.000

7. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

Việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách các đơn vị kiểm toán theo tờ trình số 05/TTr/BKS ngày 10/02/2020 của Ban Kiểm soát.

8. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 như sau:

Số TT	Miễn nhiệm	Bổ nhiệm
1	Ông Quốc Hồ Đình Tuấn – Chủ tịch HĐQT	Ông Đặng Minh Thừa – Chủ tịch HĐQT

Điều 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được lập và thông qua trước Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100% của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, xí nghiệp thuộc và trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Quốc Hồ Đình Tuấn